

Số: 20/2019/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 01 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân cấp thẩm định Dự án (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật),
thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;


Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BXD-BNV ngày 16/11/2015 giữa Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; 

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại tờ trình số 128/TTr-SXD ngày 11 tháng 6 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Sơn La (*gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện*) chủ trì thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế - kỹ thuật*), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính cấp huyện với nội dung như sau:

1. Thẩm định dự án, thiết kế cơ sở

a) Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 của dự án nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư có loại và cấp công trình được quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: Chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 (*trừ phần thiết kế công nghệ*) của dự án nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư (*trừ các dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hóa cung cấp nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 5 tỷ đồng*) có loại và cấp công trình được quy định tại khoản 4 Điều này.

c) Dự án sử dụng vốn khác: Chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 (*trừ phần thiết kế công nghệ*) của dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp III được quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Thẩm định dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng quy định tại khoản 2, Điều 5, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ

a) Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư có loại và cấp công trình quy định tại tại khoản 4 Điều này.



b) Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: Chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (*trừ phần thiết kế công nghệ*) do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư có loại và cấp công trình quy định tại khoản 4 Điều này

c) Dự án sử dụng vốn khác: Chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các điểm c và d khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công (*trừ phần thiết kế công nghệ*) của dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp III được quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng

a) Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế ba bước*) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế hai bước*) của dự án nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư có loại và cấp công trình được quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: Chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế ba bước*) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (*trường hợp thiết kế hai bước*) của dự án nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư (*trừ phần thiết kế công nghệ*) đối với công trình cấp III được quy định tại khoản 4 Điều này.

c) Dự án sử dụng vốn khác: Chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật (*trường hợp thiết kế 3 bước*), thiết kế bản vẽ thi công (*trường hợp thiết kế 2 bước*) của công trình công cộng, công trình ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng (*trừ phần thiết kế công nghệ*) đối với công trình cấp III được quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Loại và cấp công trình phân cấp thẩm định (*bao gồm cả xây mới và cải tạo, nâng cấp, mở rộng*)

a) Công trình dân dụng: Công trình cấp IV; công trình cấp III được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

b) Công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Công trình cấp III: Hệ thống chiếu sáng công cộng; Tuyến cống thoát nước mưa, cống chung; Tuyến cống thoát nước thải;

- Công trình cấp IV: Công viên cây xanh; Nghĩa trang; Sân bãi để xe, máy móc, thiết bị (*không có mái che*); Nhà để xe ô tô nổi; Tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình, cột BTS; Đường cáp truyền dẫn tín hiệu viễn

thông; Cống cấp; Hào và tuy nèn kỹ thuật; Tuyền ống cấp nước (*nước thô hoặc nước sạch*) trừ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.

c) Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Công trình thủy lợi cấp IV (*trừ: Hồ chứa nước, đập dâng, tường chắn nước có chiều cao lớn hơn 5m*) có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 7 tỷ đồng;

- Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 5 tỷ đồng.

d) Công trình giao thông:

- Đường ô tô cấp IV;

- Đường đô thị: Đường phân khu vực, đường vào nhóm nhà ở, vào nhà; đường nội bộ trong công trình; đường xe đạp; đường đi bộ;

- Đường giao thông nông thôn;

- Cầu đường bộ nhịp lớn nhất nhỏ hơn 12m, chiều cao trụ cầu nhỏ hơn 6m;

- Cầu vượt dành cho người đi bộ, xe đạp; cầu dây võng, một nhịp (không phải là cầu treo dân sinh), nằm trên đường giao thông nông thôn khổ cầu không lớn hơn 3,5m; Nhịp kết cấu lớn nhất nhỏ hơn 25m, chiều cao trụ cầu nhỏ hơn 15m;

- Cầu treo dân sinh (*dành cho người đi bộ, gia súc, xe đạp, xe mô tô/gắn máy và xe thô sơ khác*) vận dụng thiết kế mẫu, thiết kế định hình được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận, phê duyệt; chiều dài nhịp nhỏ hơn hoặc bằng 50m, chiều cao trụ cầu hoặc độ cao tính từ đáy kết cấu dầm thấp nhất tới mặt đất/nước bên dưới nhỏ hơn 15m.

đ) Công trình công nghiệp: Đường dây và trạm biến áp cấp IV; công trình Công nghiệp nhẹ cấp IV.

e) Đối với công trình khác có kết cấu quy mô nhỏ, lẻ khác:

- Kè chắn đất, ốp mái tà luy (*trừ các công trình tường chắn, đê, đập... thuộc công trình thủy lợi*), hàng rào lan can bảo vệ và các kết cấu tương tự khác có chiều cao nhỏ hơn 6m;

- Khối xây gạch/đá/bê tông hay tấm bê tông để làm kết cấu nhỏ lẻ như bồn hoa, bia, mộ, mốc quan trắc (trên đất liền)... và các kết cấu nhỏ, lẻ khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với Phòng chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế kỹ thuật*), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng.

b) Chủ trì phối hợp với các sở quản lý xây dựng chuyên ngành và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế kỹ thuật*), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng đã phân cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Phối hợp với các ngành tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh để đảm bảo các nguồn lực và điều kiện cần thiết theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện để Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tốt nhiệm vụ thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế - kỹ thuật*), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng.

d) Chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Xây dựng theo định kỳ, hàng năm, đột xuất khi có yêu cầu về tình hình thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế - kỹ thuật*), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng.

2. Trách nhiệm của Sở quản lý xây dựng chuyên ngành

a) Phối hợp với Sở Xây dựng, tham gia hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế - kỹ thuật*), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng đã phân cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chuyên ngành quản lý.

b) Theo dõi, tổng hợp báo cáo về tình hình thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế - kỹ thuật*), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng theo chuyên ngành quản lý định kỳ vào tháng 6, tháng 11 hàng năm gửi Sở Xây dựng tổng hợp.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Đảm bảo các nguồn lực và điều kiện cần thiết để Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tốt nhiệm vụ thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế - kỹ thuật*), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.

b) Chủ động kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế - kỹ thuật*), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện công tác thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế - kỹ thuật*), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng đảm bảo phù hợp với những công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thẩm định tại Điều 1 Quyết định này.

4. Trách nhiệm của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế - kỹ thuật*), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng theo phân cấp.

b) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện đảm bảo các nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện tốt nhiệm vụ được phân cấp, sắp xếp, bố trí cán bộ đủ năng lực phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn để thực hiện công tác thẩm định. Trường hợp Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện không đủ điều kiện để thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng công trình thì được phép yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực phù hợp và được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng, Bộ Xây dựng để thực hiện thẩm tra phục vụ cho công tác thẩm định.

c) Thực hiện tốt công tác thẩm định theo đúng quy định tại Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng.

d) Báo cáo theo định kỳ, hàng năm, đột xuất khi có yêu cầu về tình hình thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế kỹ thuật*), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng theo phân cấp gửi về Sở Xây dựng tổng hợp.

Điều 3. Xử lý chuyển tiếp

Dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng công trình đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước ngày Quyết định này có hiệu lực không phải trình thẩm định lại và được thực hiện theo quy định hiện hành trước thời điểm có hiệu lực của Quyết định. Việc thực hiện các bước tiếp theo thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2019.
2. Quyết định này thay thế: Quyết định 21/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc phân cấp thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế kỹ thuật*), thiết kế



cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La và Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 21/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc phân cấp thẩm định Dự án (*Báo cáo kinh tế kỹ thuật*), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Trưởng phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Như Điều 5;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu VT, TH, KG-VX, NC, KT(Quý), 50b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh



PHỤ LỤC

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG CẤP III THUỘC THẨM QUYỀN THẨM ĐỊNH CỦA PHÒNG CƠ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG THUỘC UBND CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019
của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Loại công trình	Tiêu chí phân cấp	Công trình phân cấp
I	Nhà ở		
1	Nhà chung cư	Số tầng	≤ 3
2	Nhà ở tập thể, ký túc xá	Số tầng	≤ 3
II	Công trình công cộng		
II.1	Công trình giáo dục		
1	Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường phổ thông các cấp	Số tầng	≤ 3
2	Trường đại học, trường cao đẳng; trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề, trường công nhân kỹ thuật, trường nghiệp vụ	Số tầng	≤ 3
II.2	Công trình y tế		
	Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa từ trung ương đến đại phương; các phòng khám đa khoa, khám chuyên khoa khu vực; trạm y tế, nhà hộ sinh; nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, nhà dưỡng lão; các cơ sở phòng chống dịch bệnh; các cơ sở y tế khác.	Số tầng	≤ 3
II.3	Công trình thể thao		
1	Sân vận động, sân thi đấu các môn thể thao ngoài trời có khán đài	Sức chứa của khán đài (nghìn chỗ)	$\leq 0,5$
2	Nhà thi đấu, tập luyện các môn thể thao có khán đài	Sức chứa của khán đài (nghìn chỗ)	$\leq 0,25$
II.4	Công trình văn hóa		
1	Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường, bảo tàng, thư viện, triển lãm, và công trình văn hóa tập trung đông người khác	Tổng sức chứa (nghìn người)	$\leq 0,25$
2	Pa nô, biển quảng cáo độc lập, cổng chào	Chiều cao	$\leq 15m$
3	Các công trình di tích; bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày và các	Cấp công trình	Cấp III

	công trình khác có chức năng tương đương		
II.5	Công trình thương mại, dịch vụ và trụ sở làm việc		
1	Chợ	Số tầng	≤3
2	Công trình đa năng, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ	Tổng diện tích sàn (nghìn m ²)	≤1,5
3	Trụ sở các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị	Số tầng	≤3
4	Trụ sở làm việc của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp	Số tầng	≤3
5	Trung tâm thương mại, siêu thị	- Tổng diện tích kinh doanh (nghìn m ²) - Số tầng	≤1,0 ≤2
6	Cửa hàng, nhà hàng ăn uống, giải khát và công trình tương tự	- Tổng diện tích kinh doanh (nghìn m ²) - Số tầng	≤0,5 ≤3

Ghi chú:

- Số tầng của ngôi nhà theo quy định tại mục 1.5.11, quy chuẩn QCVN 03:2012/BXD quy chuẩn quốc gia về phân loại, phân cấp công trình xây dựng, dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị quy định như sau Số tầng nhà: Số tầng của ngôi nhà bao gồm toàn bộ các tầng trên mặt đất (kể cả tầng kỹ thuật, tầng áp mái, mái tum) và tầng nửa hầm; các tầng hầm không tính vào số tầng nhà.

- Số tầng trong tiêu chí phân cấp của phụ lục này thuộc phần nổi công trình (trường hợp công trình có nhiều hơn 01 tầng hầm thì công trình thuộc cấp II theo Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng).

- Cách tính số tầng theo quy định tại mục 1.5.12, 1.5.14, 1.5.15, 1.5.16, quy chuẩn QCVN 03:2012/BXD quy chuẩn quốc gia về phân loại, phân cấp công trình xây dựng, dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

+ Ví dụ: Nhà có 02 tầng trên mặt đất và 01 tầng áp mái được hiểu là nhà 3 tầng; Nhà có 02 tầng trên mặt đất và 01 tầng nửa hầm được hiểu là nhà 3 tầng; Nhà có 02 tầng trên mặt đất và 01 tầng kỹ thuật (01 tầng nửa hầm, tầng áp mái; tầng tum gồm tum thang, tum kỹ thuật có diện tích vượt quá 30% diện tích sàn mái) được hiểu là nhà 3 tầng; nhà có 03 tầng trên mặt đất, không có tầng áp mái;



tầng tum gồm tum thang, tum kỹ thuật có diện tích không vượt quá 30% diện tích sàn mái được hiểu là nhà 3 tầng.

Trường hợp dự án đầu tư xây dựng gồm nhiều công trình chính độc lập với nhau, áp dụng phân cấp công trình theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng để xác định thẩm quyền thẩm định. / *gk*